

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nõ tuổi :Mau giao
Tong số tre :309

Sang : Chao thõt tom kho rau ngọt
Sõa grow
Trõa : Cõm tom rim thõt ca rot . Canh bõ xoi
thõt heo nác
Mon luoc: bí xanh
Xe: Sõa grow
Xe chieu:Sup thõt bí ñõ ca rot trồng ga trồng
cut ngo rí

So Tien Tren Moi Tre 36973				
STT	Ten thõc pham	Khoi lõng(g)	Nõn gia(ñ/100g)	Thanh tien(ñ)
*CHÕ				
1	Ram (muoi)	2,000	1,060	21,200
2	Tom kho	300	78,100	234,300
3	Tom bien	5,800	30,980	1,796,840
4	Nõõc mam Ca (loai 1)	4,000	5,940	237,600
5	Dau thao moc	3,000	6,280	188,400
6	Nõõng cat	4,000	3,780	151,200
7	Dau me	1,000	3,870	38,700
8	Gao te may	24,000	2,630	631,200
9	Bõt mì tinh	2,000	3,710	74,200
10	Hanh la	1,500	5,360	80,400
11	Hanh cù tõi	1,000	5,780	57,800
12	Ca rot	5,500	5,460	300,300
13	Nam rõm	1,000	13,130	131,300
14	Bí ñõ (Bí xanh)	5,000	4,520	226,000
15	Rau ngọt	600	5,150	30,900
16	Cai bõ xoi	7,000	8,300	581,000
17	Bí ngo (Bí ñõ)	4,000	3,570	142,800
18	Rau ngo (Rau mui)	100	8,820	8,820
19	Thõt lõn nác	17,400	18,380	3,198,120
20	Trõng ga toan phan	2,500	4,400	110,000
21	Trõng cut	3,200	13,000	416,000
Cong				8,657,080
*XUAT KHO				
22	Sõa bõt Abbot Grow	13,500	20,500	2,767,500
Cong				2,767,500
Tong tien thõc pham				11,424,580 ñ
Chi phí khac				0(ñ)
Tien nõõc chi trong ngay				11433000(ñ)
So dõ ñõu ngay				0(ñ)
So dõ cuoi ngay				8420(ñ)
Xuat an luy ke tõ ñõu thang				
Tieu chuan luy ke tõ ñõu thang				
Tien chi luy ke tõ ñõu thang				